

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

## ẨN DỤ Ý NIỆM *TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ* TRONG TRUYỆN KIỀU

### TRẦN VĂN NAM\*

**TÓM TẮT:** Bài viết này nghiên cứu, khảo sát về một cách ý niệm hoá tình yêu của Nguyễn Du trong Truyện Kiều, cụ thể là cách ý niệm hoá tình yêu của qua hình tượng sợi tơ: xây dựng mô hình ẩn dụ ý niệm “*TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ*”; chỉ ra được 32 biểu thức có chứa ẩn dụ ý niệm này và lí giải cách cách ý niệm hoá tình yêu trong đó. Qua đó, có thể thấy được các thuộc tính được chiếu xạ từ miền nguồn *SỢI TƠ* đến miền đích *TÌNH YÊU* được Nguyễn Du tạo dựng rất phong phú và đa dạng; cũng thể hiện sự tài tình của Nguyễn Du trong việc vận dụng những hình ảnh quen thuộc trong ca dao người Việt xưa (như sợi tơ) vào sáng tác của mình.

**TỪ KHÓA:** ẩn dụ ý niệm; tình yêu; Nguồn; Đích; ánh xạ; Nguyễn Du, Truyện Kiều.

**NHẬN BÀI:** 02/06/2024.

**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 09/09/2024

### 1. Mở đầu

**1.1.** Các nhà ngôn ngữ học tri nhận khẳng định rằng, ẩn dụ là sản phẩm tư duy của con người, về bản chất mang tính ý niệm. Ẩn dụ ý niệm không chỉ xuất hiện trong văn chương mà ẩn dụ còn xuất hiện thường xuyên trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Một ẩn dụ ý niệm được tạo nên bởi hai thành phần: miền Nguồn và miền Đích, trong đó, miền NGUỒN cung cấp tri thức mới và chuyển tri thức đó cho miền ĐÍCH thông qua các ánh xạ. Chẳng hạn, với ẩn dụ ý niệm *TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ*, một số thuộc tính miền Nguồn *SỢI TƠ* ánh xạ đến miền Đích *TÌNH YÊU* như sau:

|         |   |                        |
|---------|---|------------------------|
| trao tơ | → | khởi đầu của tình yêu  |
| tơ rối  | → | sự bế tắc của tình yêu |
| tơ đứt  | → | sự dang dở tình yêu    |

Zoltán Kövecses chỉ ra rằng, các ẩn dụ ý niệm trong thơ ca được các nhà thơ tạo sáng tạo ra dựa trên những ẩn dụ thường quy. Sự sáng tạo đó dựa vào các cơ chế sau [Kövecses.Z; 2002; tr.47-50]:

- Mở rộng: Một số yếu tố mới trong miền nguồn được đưa vào các ánh xạ, từ đó mở rộng ẩn dụ dựa trên cơ sở các ẩn dụ thường quy.
- Trau chuốt: Một số yếu tố sẵn có của miền nguồn được tập trung mở rộng ra theo chiều sâu và mang lại cách nhìn mới mẻ, khác với cách nhìn truyền thống.
- Đặt câu hỏi: Những cách hiểu mang tính ẩn dụ thường ngày của cộng đồng được lật lại vấn đề hay đưa ra những câu hỏi về tính thích đáng về chúng.
- Kết hợp: Có thể nói, đây là cơ chế được vận dụng phổ biến nhất mà ở đó người viết sử dụng hai hay hơn hai ẩn dụ vào một phạm vi hẹp của văn bản thơ ca (có thể sử dụng trong cùng một dòng thơ, một khổ thơ, một bài thơ).
- Nhân hóa: Là cách thức chúng ta khoác cho các sự vật, hiện tượng những đặc tính của con người. Nhân hóa cho phép chúng ta dùng những hiểu biết về chính cuộc sống của chúng ta để đi đến hiểu biết về một cuộc sống khác của thế giới trừu tượng, vô hình.

Khi sáng tác, các nhà thơ có thể sử dụng một hoặc hơn một cơ chế trong những cơ chế sáng tạo trên để tạo ra các ẩn dụ ý niệm. Cách lựa chọn cơ chế, lựa chọn sự kết hợp các cơ chế với nhau phụ thuộc vào ý đồ sáng tác, tài năng sáng tác cũng như độ mẫn cảm của mỗi nhà thơ.

**1.2.** Nhắc đến Đại Thi hào Nguyễn Du là nhắc đến người lưu giữ hồn cốt của dân tộc Việt Nam qua những trang thơ. Các sáng tác của ông chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc được kế thừa từ nền văn hoá truyền thống của dân tộc. Truyện Kiều nổi tiếng không chỉ bởi giá trị nhân văn sâu sắc của nó mà còn nổi tiếng bởi tác phẩm cũng là một bức tranh tiêu biểu thể hiện rõ nét hồn cốt dân tộc Việt Nam thông qua việc sử dụng ngôn ngữ thơ, hình ảnh thơ dân dã, bình dị, gần gũi, chân thật, gần bó với cuộc sống của người dân lao động Việt Nam. Một trong những hình ảnh dân dã, gần gũi ấy chính là hình ảnh sợi tơ.

\*TS; Trường Đại học Phenikaa; Email: nam.tranvan@phenikaa-uni.edu.vn

Trong Truyện Kiều, tác giả đã sử dụng hình ảnh sợi tơ như một phương tiện nghệ thuật để khắc hoạ rõ nét và làm nổi bật tâm trạng của nhân vật trữ tình.

Với bài viết này, chúng tôi tập trung xác lập mô hình ẩn dụ ý niệm *TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ* trong tác phẩm Truyện Kiều đồng thời làm rõ cách ý niệm hoá tình yêu của nhà thơ Nguyễn Du qua miền nguồn SỢI TƠ.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Xác lập mô hình ẩn dụ ý niệm “TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ” trong Truyện Kiều

Trong tư duy của người Việt, tình yêu nảy nở là do Nguyệt Lão xe duyên bằng sợi chỉ hồng - sợi tơ hồng. Sợi tơ có khả năng kết dính, quấn vào nhau, cũng có khi bị đứt đoạn, cũng có lúc được chấp nối lại với nhau... Tình yêu của con người cũng vậy, có lúc gắn kết, gắn gũi, có lúc chia ly, đổ vỡ, cũng có khi hàn gắn. Vô hình trung, ta thấy tình yêu và hình tượng sợi tơ có những nét tương đồng ngẫu nhiên nhưng lại vô cùng hợp lí. Ẩn dụ ý niệm “TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ” xuất hiện trên cơ sở đó. Trong ẩn dụ ý niệm này, các thuộc tính miền nguồn SỢI TƠ chiếu xạ đến miền đích TÌNH YÊU được cụ thể hoá qua lược đồ chiếu xạ sau:

**Bảng 1.** Lược đồ chiếu xạ của ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ

| STT | Miền nguồn: SỢI TƠ            | Miền đích: TÌNH YÊU                 |
|-----|-------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | Sự kết dính                   | ⇒ Sự gắn bó trong tình yêu          |
| 2   | Trạng thái tồn tại của sợi tơ | ⇒ Trạng thái biểu hiện của tình yêu |
| 3   | Xe tơ                         | ⇒ Kết duyên                         |

Khảo sát tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du, chúng tôi tổng hợp được 32 biểu thức có chứa ẩn dụ ý niệm “TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ”. Các thuộc tính chiếu xạ từ nguồn SỢI TƠ đến miền đích TÌNH YÊU được cụ thể hoá qua bảng tổng hợp sau:

**Bảng 2.** Các thuộc tính được chiếu xạ từ miền Nguồn đến miền Đích trong ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ

| STT | Tương đồng giữa miền Nguồn và miền Đích | Các thuộc tính được chiếu xạ | Tần số xuất hiện |         |
|-----|-----------------------------------------|------------------------------|------------------|---------|
|     |                                         |                              | Số lần/32        | Tỉ lệ % |
| 1   | Tương đồng về bản chất                  | tơ                           | 17               | 53.1    |
|     |                                         | tơ duyên                     | 2                | 6.3     |
|     |                                         | tơ lòng                      | 2                | 6.3     |
|     |                                         | tơ đào                       | 1                | 3.1     |
|     |                                         | tơ tình                      | 1                | 3.1     |
|     |                                         | tơ mảnh                      | 1                | 3.1     |
|     |                                         | tơ hồng                      | 1                | 3.1     |
| 2   | Tương đồng về đối tượng kết nối         | nàng                         | 2                | 6.3     |
|     |                                         | chàng                        | 2                | 6.3     |
|     |                                         | em                           | 1                | 3.1     |
|     |                                         | ai                           | 1                | 3.1     |
|     |                                         | Kiều nhi                     | 1                | 3.1     |
|     |                                         | con                          | 1                | 3.1     |
|     |                                         | lòng                         | 1                | 3.1     |
|     |                                         | con tâm                      | 1                | 3.1     |
|     |                                         | nhện                         | 1                | 3.1     |
|     |                                         | giống hữu tình               | 1                | 3.1     |
| 3   | Tương đồng về trạng thái tồn tại        | đứt                          | 3                | 9.4     |
|     |                                         | vương                        | 3                | 9.4     |
|     |                                         | xe                           | 3                | 9.4     |
|     |                                         | vò                           | 2                | 6.3     |
|     |                                         | ngắn ngủi                    | 1                | 3.1     |

|  |                   |   |     |
|--|-------------------|---|-----|
|  | chấp              | 1 | 3.1 |
|  | chia              | 1 | 3.1 |
|  | vây               | 1 | 3.1 |
|  | xe quàng, xe xiên | 1 | 3.1 |
|  | lỗi               | 1 | 3.1 |
|  | kết               | 1 | 3.1 |
|  | trao              | 1 | 3.1 |
|  | vướng             | 1 | 3.1 |
|  | rối bời           | 1 | 3.1 |
|  | phải lứa          | 1 | 3.1 |

Sợi tơ là hình ảnh gắn gũi, thân thuộc trong đời sống của người dân Việt cũng như trong thơ ca Việt Nam từ lâu đời. Các tác giả dân gian đã dùng hình ảnh con tằm, sợi tơ để biểu đạt từ chuyện yêu đương cho đến chuyện đời người:

- *Buồn trông con nhện giăng tơ/ Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai ?* (Ca dao)
- *Thương thay thân phận con tằm,/ Kiếm ăn được mấy, phải nằm nhả tơ* (Ca dao)

Nguyễn Du là tác giả có những sáng tác gắn bó mật thiết với quê hương đất nước con người Việt Nam. Chính tâm lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc là điều cốt yếu để nhà thơ sử dụng những hình ảnh dân dã, thân thuộc, gần gũi với người dân Việt Nam để sáng tạo ra những hình tượng mang lại giá trị biểu đạt cao trong sáng tác của mình. Sợi tơ là một trong những hình ảnh nằm tự nhiên trong kho thi liệu thơ Nguyễn Du. Qua quá trình miệt mài gỡ rối rồi xe tơ, Nguyễn Du đã tạo ra nhiều hình hài, sắc thái tồn tại của sợi tơ. Và mỗi sắc thái tồn tại ấy lại mang một giá trị thẩm mỹ rất riêng cùng góp phần tạo nên sự hoàn chỉnh cho ẩn dụ ý niệm: TÌNH YÊU LÀ SỢ TƠ TRONG TRUYỆN KIỀU.

## 2.2. Cách ý niệm hoá tình yêu trong ẩn dụ ý niệm “TÌNH YÊU LÀ SỢ TƠ”

### 2.2.1. Các đặc trưng của sợi tơ xuất hiện trong ẩn dụ ý niệm “TÌNH YÊU LÀ SỢ TƠ”

Qua khảo sát Truyện Kiều của Nguyễn Du, sự xuất hiện của hình ảnh sợi tơ trong các biểu thức chứa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢ TƠ được chúng tôi tổng hợp và phân loại theo các đặc trưng của sợi tơ như sau:

**Bảng 3.** Các đặc trưng của sợi tơ xuất hiện trong các biểu thức chứa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢ TƠ

| STT         | Đặc trưng của sợi tơ   | Số lượng/32 | Tỉ lệ %    |
|-------------|------------------------|-------------|------------|
| 1           | Thuộc tính vật chất    | 13          | 40,6       |
| 2           | Thuộc tính dễ kết dính | 11          | 34,4       |
| 3           | Thuộc tính dễ đứt đoạn | 07          | 21,9       |
| 4           | Độ chín của sợi tơ     | 01          | 3,1        |
| <b>Tổng</b> |                        | <b>32</b>   | <b>100</b> |

Qua tư duy của người nghệ sĩ ngôn từ Nguyễn Du, một số thuộc tính của sợi tơ được hiện hình qua ngôn ngữ. Và kèm với hình hài ấy là những tín hiệu nghệ thuật của tình yêu được gửi gắm tới độc giả một cách chân thực, gần gũi nhất.

### 2.2.2. Sự vắn vượng, không đứt của tình yêu là hình ảnh sợi tơ vương

*Vương là mắc vào, dính vào, còn sót lại một ít* [Hoàng Phê, 2008; tr.1135]. Vương là một trong những thuộc tính tự nhiên của sợi tơ. Thuộc tính kết dính này khiến sợi tơ rất dễ dàng mắc vào bất kì vật nào mà nó tiếp xúc, va chạm, dễ quán vào khó gỡ ra. Nguyễn Du đã khai thác đặc tính này và biến nó thành biểu tượng thể hiện sự gắn kết còn tồn tại mãi của tình yêu. Ở ví dụ đầu tiên, sợi tơ vương là nỗi lòng của Thúc Sinh dành cho nàng Thúy Kiều khi hai người rơi vào cảnh phải ly tán.

*Dẫu rằng sóng cạn đá mòn  
Con tằm đến thác hãy còn vương tơ*

Thuộc tính kết dính của sợi tơ được trau chuốt và mở rộng kết hợp với thuộc tính vật chất chính là sự mảnh dẻ của sợi tơ để biểu đạt trạng thái tình cảm của Thúc Sinh dành cho Thuý Kiều. Trong lòng chàng Thúc, tình yêu dành cho nàng Kiều còn tồn tại, còn lưu mãi giống như sợi tơ dính sát lại ở miệng con tim. Ví dụ này còn có sự xuất hiện của ẩn dụ ý niệm *CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT* được kết hợp sử dụng với ẩn dụ ý niệm: *TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ*. Sự kết hợp này đã làm nổi bật giá trị của tình cảm mà Thúc Sinh dành cho Thuý Kiều. Thúc Sinh cũng như con tim rút ruột nhả tơ. Tình yêu của hai người họ trong tâm tưởng Thúc Sinh không có dấu chấm hết. Với Thúc Sinh, kể cả cho đến lúc chàng rời nơi trần thế thì tơ lòng vương nơi Thuý Kiều vẫn mãi phát phơ trong sự luyến tiếc nơi tâm trí chàng. Tuy nhiên, lúc chàng Thúc nói lời từ biệt với nàng Kiều, ta thấy thứ tình yêu quý giá giữa hai con người ấy cũng chỉ mỏng manh vồn vện như sợi tơ mà thôi.

Ở ví dụ trên, trạng thái vương tơ chỉ sự níu kết tình cảm của chàng Thúc dành cho Thuý Kiều thì ở ví dụ này lại là sự biểu hiện tình cảm Thuý Kiều dành cho mối tình đầu của mình khi gặp lại sau những tháng ngày lưu lạc.

*Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,  
Dầu lia ngó ý còn vương tơ lòng*

Nếu trạng thái vương tơ lòng của Thúc Sinh là sự tiếc nuối trong mối tình với Thuý Kiều thì ở đây, trạng thái vương tơ lại là sự vương vấn, buông không xuôi của Thuý Kiều với Kim Trọng. Ở ví dụ này, sự kết hợp của ẩn dụ ý niệm *CON NGƯỜI LÀ CÂY CỎ* với ẩn dụ ý niệm *TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ* khắc họa rõ nét tâm trạng không thể buông bỏ dứt khoát, không thể đoạn tuyệt sự liên kết với mối tình cùng Kim Trọng ở trong lòng của Thuý Kiều. Đứng trước tình cảnh chèo ngoe khi em gái mình đã nên duyên vợ chồng cùng với mối tình đầu của nàng, Thuý Kiều khước từ tái duyên cùng Kim Trọng. Đó là sự tỉnh táo và dứt khoát của lí chí. Còn trong trái tim, Thuý Kiều vẫn không thể nào gạt bỏ hình ảnh Kim Trọng ra ngoài. Đó là sự mơ hồ và dây dưa của con tim. Hình ảnh *lia ngó* nhưng *còn vương tơ* đã cụ thể hoá trạng thái tâm trạng của Thuý Kiều trong hoàn cảnh này. Ngó sen dù có bầm vằm thành ngàn mảnh thì vẫn là ngó sen. Tình yêu của Thuý Kiều dành cho Kim Trọng dù có bị đập vùi bầm dập nát tan thì vẫn là tình cảm của con người. Cho nên, sao nói quên là quên được.

### 2.2.3. Sự bề tắc trong tình yêu được ý niệm hoá thành hình ảnh những sợi tơ rối

Sợi tơ tuy mỏng manh nhưng bản thân vẫn chiếm một phần không gian nhất định bởi thuộc tính vật chất của nó. Vì thế, chúng ta mới có thể nhìn thấy, cầm nắm được sợi tơ, có thể xe tơ. Trong sáng tác của mình, thuộc tính vật chất của sợi tơ được Nguyễn Du điểm danh và tạo dựng cho nó những hình hài mới mang lại giá trị nghệ thuật cao. Chẳng hạn, khi Kim Trọng về quê chịu tang chú, tác giả khắc họa trạng thái nhớ người yêu của Thuý Kiều qua hình ảnh mối tơ giàu sức gợi hình, gợi cảm:

*Nàng còn đứng tựa hiên tây,  
Chín hồi vấn vít như vầy mối tơ*

Thuý Kiều sốt ruột vì nhớ, vì mong mỏi được gặp gỡ Kim Trọng mà không biết phải giải bày nỗi lòng của mình như thế nào, giải bày với ai, chia sẻ nỗi lòng được với ai. Nỗi nhớ ấy vốn vô hình vô lượng nhưng qua cách ý niệm hoá tình yêu, Nguyễn Du lại khiến nó hiện hữu ra trước mắt người đọc cực kì cụ thể và rõ nét qua hình ảnh: *mối tơ*. *Mối là chỗ nối, chỗ thắt, chỗ buộc lại* [Hoàng Phê, 2008, tr.640]. Như vậy, mối tơ là nơi mà nhiều sợi tơ tập hợp lại với nhau tạo thành cái nút thắt đầu mối kết thành một cục, con người có thể nhìn thấy được bằng mắt, cầm nắm được bằng tay. Mối tơ cũng là nơi chỉ cần cầm giữ một cái thì tất cả các sợi tơ thành phần sẽ rối tung lên. Hiện trạng *vấn vít* ấy càng trở nên rõ ràng hơn khi được so sánh với hành động *vầy mối tơ*. *Vầy là trạng thái dùng tay hoặc chân quấy hoặc vò, giã theo hướng này hay hướng khác làm cho vật bị bẩn, nhàu nát* [Hoàng Phê, 2008, tr.1108]. Ẩn dụ ý niệm *TÂM TRẠNG CON NGƯỜI LÀ MỘT CỤC TƠ RỐI* càng cụ thể hoá tâm trạng của Thuý Kiều: rối rắm và tan nát tâm can. Trong lòng Thuý Kiều lúc này, nỗi nhớ Kim Trọng chính là một mối tơ cục lớn. Nỗi nhớ kéo dài theo ngày tháng cộng hưởng với sự nồng nàn, độ cháy của tình yêu khiến nàng Kiều đứng ngồi không yên. Chính vì vậy, mối tơ tình kia càng bị vầy vò càng khiến nó ngày càng dày lên, càng cộm to lên, càng rối hơn, rối chông rối, rối không có cách để tháo gỡ. Tơ càng rối thì nỗi nhớ càng dày lên, sự lo lắng càng tăng khiến cho Thuý Kiều càng mất phương hướng. Tâm trạng Thuý Kiều lúc này được cực tả chính là sự

hỗn loạn, không có cách tháo gỡ. Độc giả có thể hình dung được tâm trạng rối của Thuý Kiều qua thuộc tính rối của miền nguồn SỢI TƠ.

Không chỉ khắc hoạ sự rối loạn và bế tắc của nàng Kiều trong nỗi nhớ chàng Kim qua hình ảnh sợi tơ rối, Nguyễn Du cũng còn sử dụng hình ảnh sợi tơ rối để diễn tả tâm trạng của chàng Kim khi tìm nàng Kiều trong vô vọng.

*Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,  
Tuôn châu đôi trăn, vò tơ trăm vòng.*

Hình ảnh sợi tơ rối ở ví dụ này hiện ra không phải là một mớ hỗn độn. Hành động *vò tơ trăm vòng* của chàng Kim là hành động được lặp đi lặp lại, không có sự thay đổi. Hành động *vò tơ* này diễn ra giống như một dạng chuyển động đều, qua qua lại lại như diễn tả tâm trạng tuyệt vọng không biết đâu là điểm dừng của chàng Kim. Nếu ở ví dụ trước, Kiều sốt ruột, hỗn loạn thì ở ví dụ này, Kim thần thờ, vô vọng. Ở cả hai ví dụ, thuộc tính vật chất được sử dụng kết hợp với thuộc tính rối của sợi tơ đã tạo nên một mối quan hệ tương hỗ góp phần bộc lộ rõ tâm trạng của nhân vật trữ tình.

Ở câu thơ: *Chín hồi vắn vít như vầy mối tơ*, ta thấy con số ước lượng chỉ là 9 nhưng đi kèm kết hợp với con số này là từ *vắn vít* - quấn xoắn lại với nhau nhiều vòng [Hoàng Phê, 2008, tr.1105] lại làm nổi cộm lên tâm trạng rối rắm, lo âu, loạn xạ, gấp gáp trong lòng Thuý Kiều. Đến với câu thơ: *Tuôn châu đôi trăn, vò tơ trăm vòng* ta lại thấy một cách biểu đạt khác của Nguyễn Du. Tâm trạng của Kim Trọng hiện hữu trong *mối tơ trăm vòng* nhưng người đọc lại không cảm nhận được sự lo âu, gấp gáp, sự rối bời ở trong đó, cũng không cảm nhận được sự bế tắc mà nhận thấy sự buông xuôi, sự bất lực. Người nghệ sĩ tài hoa Nguyễn Du đã dùng ngôn từ điêu luyện của mình để thêm dệt lên hai bức tranh tâm cảnh của một đôi sâu duyên nặng tình với hai tâm trạng khác nhau gắn với hai sự kiện, hai hoàn cảnh khác nhau.

#### 2.2.4. Sự lơ dờ của tình duyên được ý niệm hoá thành hình ảnh sợi tơ đứt đoạn

Nghệ thuật sáng tạo trong thi ca là biết kết hợp các thủ pháp nghệ thuật để tạo nên những hình ảnh thơ giàu sức sống và mang lại giá trị thẩm mỹ cao. Nguyễn Du là bậc thầy trong việc lựa chọn và sử dụng kết hợp các thủ pháp nghệ thuật cũng như sử dụng ngôn từ khi sáng tác thi ca. Qua ngòi bút của Nguyễn Du, các tín hiệu nghệ thuật hoà hợp với nhau một cách tự nhiên để tạo hình cho câu thơ thêm phần sống động.

*Giữa đường đứt gánh tương tư,  
Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.*

Chỉ trong một cặp thơ lục bát nhưng có tới bốn kiểu ẩn dụ ý niệm được phối kết hợp đan xen với nhau: TÌNH YÊU LÀ MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH; TÌNH YÊU LÀ CĂN BỆNH; TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ; TÌNH YÊU LÀ SỰ GẮN KẾT CỦA HAI NỬA để làm nổi bật tâm trạng rối bời trong đau xót của nàng Kiều khi phải tự thân làm bà mối xe duyên cho em gái của mình với người yêu của mình. Theo Từ điển tiếng Việt: *Thừa là phần còn sót lại sau khi đã dùng đủ rồi* [Hoàng Phê, 2008; tr.972]. *Mối tơ thừa* là mối tơ không còn giá trị, là mối tơ không có chỗ để chắp nối. Cách dùng từ của Nguyễn Du vừa diễn tả sự lơ dờ của mối tình đứt đoạn vừa diễn tả sự hẩm hiu của mối nhân duyên này. Tác giả sử dụng hình ảnh *mối tơ thừa* như muốn xoáy sâu vào trạng thái đứt lìa đứt mạch của sợi tơ đồng thời cũng diễn tả thực cảnh tình duyên bỏ bị của Thuý Kiều. Ở ví dụ này, không chỉ cơ chế kết hợp được sử dụng mà cơ chế mở rộng cũng được tác giả vận dụng để bổ sung thêm nét nghĩa mới cho *mối tơ thừa*. Nguyễn Du lựa chọn hình ảnh *mối tơ thừa* không chỉ lột tả được sự chua xót trong lòng Thuý Kiều khi bản thân phải tự đứt mối lương duyên của mình, mối duyên vốn đẹp đẽ giờ coi như đồ bỏ đi, đồ thừa. Đồng thời, cách dùng từ như vậy cũng cho thấy Thuý Kiều thấu hiểu sự thiệt thòi của Thuý Vân khi phải thay chị nối duyên với Kim Trọng - trở thành một vật thể thân bất tất dĩ. Cách nói *mối tơ thừa* cho thấy sự khiêm tốn của Thuý Kiều cũng như mong muốn tìm được sự cảm thông chia sẻ của em gái đối với mình. Vì dù sao, với Thuý Kiều, đây là một mối tình đẹp. Nhưng với Thuý Vân, mối duyên với chàng Kim là một sự chấp vạ, lấy gì để đảm bảo đời nàng sẽ hạnh phúc.

Vẫn là lối chi tiết hoá, thuộc tính đứt đoạn của sợi tơ được tác giả sử dụng để cụ thể hoá chân thực nhất trạng thái lơ dờ của tình duyên đôi lứa.

*Còn chi nữa cánh hoa tàn,  
Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân*

Nếu tơ vương là trạng thái biểu thị sự gắn kết tình duyên thì tơ đứt biểu thị sự kết thúc cho một cuộc tình, tình duyên lỡ dở, chấm dứt mối nhân duyên cho dù là muốn hay không. Hình ảnh sợi tơ đứt đoạn xuất hiện sau cảnh Kiều tự mình hại chết người yêu thương mình cũng chính Kiều là người tự tay cắt đứt tình duyên của mình. Ở ví dụ này, ánh xạ từ miền nguồn SỢI TƠ chiếu xạ đến miền đích TÌNH YÊU không chỉ thuộc tính đứt đoạn của sợi tơ được sử dụng mà thuộc tính vật chất của sợi tơ cũng được gọi tên. Để từ đó, người đọc có thể hình dung ra nỗi đau mất chồng của Kiều khiến ruột nằng bị lia rời đứt đoạn giống như dây đàn của nàng Tiểu Lân khi xưa. Sự kết hợp của ẩn dụ ý niệm: CON NGƯỜI LÀ CÂY CỎ với ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ càng làm nổi bật sự bé nhỏ, hèn mọn của Thuý Kiều khi đứng trước mặt Hồ Tôn Hiến. Kiều càng đắng cay, tủi nhục, xót xa, ân hận bao nhiêu thì tình yêu dành cho Từ Hải càng càng sâu đậm bấy nhiêu. Và như vậy, vết đứt của sợi *tơ lòng* kia trong Kiều càng lan rộng, càng loét sâu hơn bao giờ hết. Dây đàn là vật chết, tơ lòng mang sự sống cho nên khi tơ lòng đứt thì con người ta thống khổ muôn phần, đớn đau mãi mãi.

#### 2.2.5. *Tình duyên xứng đôi vừa lứa là hình ảnh sợi tơ chín*

Tơ tằm có chất lượng tốt nhất là loại tơ có màu vàng tươi, suôn mượt, óng ả giống như hình ảnh của một người thiếu nữ tuổi xuân thì. Những nét tương đồng giữa hai đối tượng ấy đã được Nguyễn Du khai thác để tạo ra một ẩn dụ ý niệm độc đáo về độ tuổi nên duyên, thành gia của người con gái.

*Nuôi con những ước về sau,*

*Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi*

*Lứa chỉ độ sinh trưởng vừa đạt độ chuẩn theo yêu cầu để có thể thu hoạch hàng loạt* [Hoàng Phê, 2008, tr.596]. Như vậy, phải lứa chỉ độ chín của sợi tơ. Ở ví dụ này, thuộc tính độ chín của tơ tằm đã được đại thi hào lấy làm biểu tượng biểu đạt độ tuổi đẹp nhất để trao duyên của người con gái. Nếu nhanh tay tận thu sớm, tơ chưa chín đến độ, sợi tơ có màu nhạt, độ kết dính kém, sản phẩm thu được không có được độ vàng óng ả, không mượt. Nếu thu hoạch tơ vào lúc tằm chín đến độ sợi tơ có màu vàng óng ả, suôn mượt, chất lượng tơ dai, độ kết dính và độ đàn hồi tốt nhất. Nếu lấy tơ vào lúc tằm chín quá độ, sợi tơ có màu vàng sậm, sần, độ kết dính và độ đàn hồi giảm, tơ cứng, cũng làm giảm chất lượng và giá trị sản phẩm. Vì vậy, thuộc tính độ chín của tơ tằm được tác giả lựa chọn để thể hiện tuổi nên duyên của người con gái là một sự sáng tạo xuyên ngôn ngữ. Bởi lẽ, độ tuổi ấy không chỉ là thời điểm đẹp nhất về hình thể bên ngoài và ẩn sau đó là sự sắc nét bên trong, chính là nhân phẩm, cốt cách của người con gái. Ví dụ này cho thấy nghệ thuật lựa chọn hình ảnh cũng như dùng từ của Nguyễn Du tuy dân dã nhưng đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật ngôn từ.

#### 2.2.6. *Kết duyên được ý niệm hoá thành công việc xe tơ*

*Xe là hoạt động làm cho các sợi nhỏ xoắn vào nhau tạo thành sợi lớn* [Hoàng Phê, 2008, tr.1145]. Vậy, xe tơ là hoạt động làm cho các sợi tơ nhỏ xoắn chặt với nhau tạo thành sợi lớn hơn dựa vào thuộc tính kết dính của sợi tơ. Với tư duy của một nghệ sĩ của nhân dân, Nguyễn Du đã thấy được mối liên hệ tương đồng giữa hành động xe tơ và việc kết duyên. Vì vậy, nhà thơ đã lấy hành động xe tơ để nói đến chuyện nên duyên chồng vợ.

*Duyên Đấng thuận nẻo gió đưa,*

*Cùng chàng kết tóc, xe tơ những ngày*

Thuộc tính kết dính của sợi tơ được tác giả trau chuốt và mở rộng để thể hiện sự gắn kết trong tình yêu của Hoạn Thư và Thúc Sinh. Công việc xe tơ không chỉ là hành động đơn thuần gộp chấp các sợi tơ lại với nhau một cách cơ học để tạo thành một sợi tơ lớn hơn mà còn là quá trình người xe tơ dùng tay để gỡ rối rồi kéo, rồi miết, rồi ve các sợi tơ nhỏ hơn cho chúng dính vào nhau, quyện vào nhau, đều, mượt, khó tách rời. Sự gắn bó của vợ chồng họ Thúc chính là tình cảm của họ dành cho nhau trong suốt *những ngày* tháng họ đi cùng nhau. Tình cảm của họ chính là chất kết dính tự nhiên quyện họ vào với nhau giống như những sợi tơ tự kết dính với nhau khi được xe. Sự kết hợp của ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ và TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH không chỉ cho thấy thời gian đồng hành cùng nhau của vợ chồng Thúc Sinh mà còn cho thấy tình cảm và sự gắn kết của vợ chồng Thúc Sinh là thật chứ không phải là sự cộng gộp cơ học của hai cá thể người.

Ở ví dụ sau, tác giả vẫn lấy công việc xe tơ để chỉ chuyện kết duyên nhưng thuộc tính kết dính của sợi tơ lại không phải là đối tượng được nhấn mạnh mà thời gian xe tơ mới là điều khiến độc giả quan tâm.

*Quả mai ba bảy đang vừa,  
Đào non sớm liệu, xe tơ kịp thì.*

Xe tơ khi sợi tơ chín vừa đủ độ, người xe tơ có thời gian tỉ mẩn từng chút một mà không lo sợi tơ bị già sẽ làm giảm độ kết dính của nó. Nhưng xe tơ khi sợi tơ đã chín quá độ thì công việc xe tơ cần được thực hiện nhanh chóng trong một khoảng thời gian ngắn nhất để tận dụng một cách tối đa độ kết dính của sợi tơ. Hai câu thơ cho thấy, tuổi của Thuý Kiều không phải là độ tuổi phải lựa đẹp nhất để kết duyên nữa. Nàng đã giống như sợi tơ quá lứa. Tuy nhiên, nếu kết duyên ngay để *kịp thì* có lẽ vẫn có một cuộc hôn nhân vừa ý. Sự kết hợp giữa ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ và CON NGƯỜI LÀ CÂY CỎ ở trong ví dụ này nhằm nhấn mạnh đến thời gian xe tơ: nhanh chóng, kịp thời để có được một cuộc hôn nhân mỹ mãn.

### 3. Kết luận

Trong quá trình sáng tác thi ca, các thi nhân đã vận dụng tối đa những thủ pháp nghệ thuật để tạo ra những tác phẩm ghi danh phong cách của họ. Nguyễn Du và Truyện Kiều là một ví dụ tiêu biểu như thế. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã sử dụng nhiều thi liệu dân gian để khắc họa và làm nổi bật hình tượng nhân vật Thuý Kiều với tài sắc vẹn toàn, tình yêu chung thủy sắt son. Sợi tơ là một hình ảnh như vậy. Trong bài viết, chúng tôi đã làm rõ những cơ chế hình thành ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du. Qua đó, độc giả thấy được tư duy độc đáo trong sáng tác của tác giả.

Sáng tạo ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU LÀ SỢI TƠ, Nguyễn Du muốn gửi đến độc giả những trạng thái biểu hiện của tình yêu được chiếu xạ đến từ miền nguồn SỢI TƠ đến miền đích TÌNH YÊU thông qua các ánh xạ. Các thuộc tính được chiếu xạ từ miền nguồn SỢI TƠ đến miền đích TÌNH YÊU được Nguyễn Du tạo dựng rất phong phú và đa dạng. Khi sáng tạo các ẩn dụ ý niệm, Nguyễn Du đã sử dụng các kĩ xảo như trau chuốt, mở rộng và kết hợp, trong đó thao tác kết hợp được vận dụng nhiều nhất. Sợi tơ là một hình ảnh quen thuộc đối với mỗi người dân Việt Nam đã trở thành một trong những biểu tượng đẹp về tình yêu, tình người, tình đời.

\*Bài viết là sản phẩm của đề tài NCKH mã số: PU2023-1-C-01.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

#### Tiếng Việt

1. Trần Văn Cơ (2009), *Khảo luận ẩn dụ tri nhận*, Nxb Lao động xã hội.
2. Lê Văn Hoè (2024), *Truyện Kiều chú giải*, Nxb Văn học.
3. Hoàng Phê (2008), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
4. Lý Toàn Thắng (2009), *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, (tái bản, có sửa chữa, bổ sung), Nxb Phương Đông.
5. Nguyễn Đức Tồn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với những dân tộc khác)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### Tiếng Anh

6. Kövecses, Z. (2002), *METAPHOR A practical Introduction*, Oxford University Press.
7. Lakoff, G. & Johnson, M. (1980), *Metaphors We Live By*. The University of Chicago Press, Chicago.

### Conceptual metaphor “Love is a thread” in the Tale of Kieu

**Abstract:** This article studies and examines Nguyễn Du's conceptualization of love in The Tale of Kieu, specifically his use of the thread image to convey this idea: Constructing a conceptual metaphor model "LOVE IS A THREAD"; pointing out 32 expressions containing this conceptual metaphor and explaining how love is conceptualized within them. Through this, readers can see the properties projected from the source domain THREAD to the target domain LOVE created by Nguyễn Du are very rich and diverse; at the same time, it also demonstrates his ingenuity in applying this concept.

**Key words:** conceptual metaphor; love; domain; target; mapping; Nguyễn Du, Truyện Kiều.